CÔNG VĂN ĐẾN Số: 1187
Ngày 14/12/10

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1925 /KH- UBND	*Hòa Bình, ngày 08 tháng 12 năm 2010*

KẾ HOẠCH

Về việc thực hiện Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi tỉnh Hoà Bình giai đoạn 2010-2015

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015;

Căn cứ Công văn số 4148/BGDĐT-GDMN ngày 15/7/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi;

Căn cứ Nghị quyết số 148/2010/NQ-HĐND ngày 21/7/2010 của Hội động nhân dân tỉnh Hoà Bình về chế độ, chính sách đối với giáo viên mầm non diện hợp đồng được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2025/TTr-SGD&ĐT ngày 27/10/2010, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi tỉnh Hoà Bình giai đoạn 2010 - 2015 như sau:

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG GIÁO DỤC MẦM NON TỈNH HOÀ BÌNH ĐẾN NĂM HỌC 2009-2010

1. Thực trạng mạng lưới trường lớp:

- Toàn tỉnh có 216 trường mầm non, còn 9 xã chưa thành lập trường mầm non (Đà Bắc: 4 xã, Tân Lạc: 2 xã, Mai Châu: 2 xã, thành phố Hòa Bình: 1 xã).

- Tổng số trẻ đến trường, lớp mầm non: 48.438 trẻ, tăng so với năm học trước 2.972 trẻ, bằng 1,25%. Trong đó: trẻ tuổi nhà trẻ là: 12.594 trẻ em, đạt tỉ lệ 40,6%, tăng 766 trẻ em, bằng 1,3%; trẻ tuổi mẫu giáo là: 35.844 trẻ em, đạt 96,6%, tăng 1.499 trẻ em, bằng 1,14%.

- Trẻ mẫu giáo 5 tuổi học trường công lập đạt 99,9%. Trẻ khuyết tật hòa nhập đạt 78,8%.

2. Chất lượng chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng trẻ:

- Toàn tỉnh có 32.032 trẻ được nuôi dưỡng tại trường, đạt tỉ lệ 66%. Trong đó, tuổi nhà trẻ: 10.495 trẻ em, tỉ lệ 86,9%; tuổi mẫu giáo: 21.511 trẻ em, tỉ lệ 60%. Tỉ lệ suy dinh dưỡng tuổi nhà trẻ giảm còn 8,24%, tuổi mẫu giáo giảm 8,27%.

- Toàn tỉnh có 34 trường mầm non thực hiện chương trình Giáo dục mầm non mới, đạt tỉ lệ 15,7%. Các chuyên đề: Giáo dục An toàn giao thông; giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin đang triển khai thực hiện.

- Số trường được đầu tư thiết bị công nghệ thông tin: 183 trường, đạt 84,7%; số trường kết nối Internet là 140 trường, đạt 64,8%; giáo viên biết khai thác thông tin trên máy tính 15,7%.

3. Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên:

Toàn tỉnh hiện có 5.365 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; trong đó:

- Cán bộ quản lí: 542 người, trình độ chuyên môn trên chuẩn đạt 45,95%;

- Giáo viên: 4.024 người (biên chế 1.595 người, hợp đồng 2.292 người); trình độ chuyên môn trên chuẩn đạt 9,5%, đạt chuẩn 86,4%, chưa đạt chuẩn 4,1%. Có 18 hiệu trưởng được công nhận hiệu trưởng giỏi cấp tỉnh, 185 hiệu trưởng giỏi cấp huyện, 03 cán bộ quản lý giỏi toàn quốc.

4. Cơ sở vật chất, thiết bị và kinh phí:

- Đến năm học 2009-2010 toàn tỉnh có 2.579 phòng học (trong đó: 1.402 phòng kiên cố; 506 phòng bán kiên cố; 369 phòng học tạm; 302 phòng học mượn, học nhờ); 42 công trình nước sạch, 126 công trình vệ sinh.

- Tỷ lệ ngân sách giáo dục dành cho giáo dục mầm non là 28,4%. kinh phí mua sắm thiết bị trong phòng học và đồ chơi ngoài trời là 5,65 tỷ đồng. Đến năm học 2009-2010 toàn tỉnh có 19 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 8,5%.

5. Hạn chế:

- Còn 671 phòng học tạm, học nhờ; thiết bị tối thiểu chưa đạt mục tiêu đề ra. Hầu hết các trường mầm non trong tỉnh thiếu phòng chức năng, công trình vệ sinh, công trình nước sạch, bếp một chiều...; số điểm trường nhỏ, lẻ còn nhiều; chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ hạn chế;

- Tỉ lệ giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn thấp, mới đạt 9,5%, thiếu giáo viên so với quy định tại Thông tư số 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 28/11/2007 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn định mức biên chế trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

- Tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia chậm, chưa có trường chuẩn quốc gia khu vực kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập có sự chênh lệch lớn trong đội ngũ giáo viên mầm non hợp đồng.

Phần thứ hai

NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM NĂM TUỔI GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Bảo đảm hầu hết trẻ em năm tuổi trên địa bàn tỉnh được đến lớp để thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày, đủ một năm học, nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm lý sẵn sàng đi học, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ vào học lớp 1.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp bảo đảm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, bảo đảm đến năm 2013 hầu hết trẻ em năm tuổi đến lớp và 95% trẻ em trong độ tuổi năm tuổi được học 2 buổi/ ngày.

b) Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục đối với các lớp mầm non năm tuổi, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới 8%; năm 2013 có 100% lớp mầm non năm tuổi được học Chương trình Giáo dục mầm non mới; chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ vào học lớp 1. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, đảm bảo năm học 2010-2011 có 100% giáo viên dạy lớp mầm non năm tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo; đến năm 2015 có 50% giáo viên mầm non năm tuổi đạt trình độ đào tạo trên chuẩn, 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá.

c) Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp mầm non năm tuổi. Phấn đấu đến năm 2013 có đủ phòng học kiên cố cho 100% lớp mầm non năm tuổi. Tập trung đầu tư xây dựng đến năm 2013 đảm bảo mỗi huyện có ít nhất 01 trường mầm non vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt chuẩn quốc gia. Phấn đấu đưa số huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi từ 50% năm 2012 lên 100% năm 2013.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi:

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong chiến lược nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực.

b) Thực hiện lồng ghép các hình thức và phương tiện truyền thông khác nhau như: xuất bản phẩm, băng hình; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: báo, đài phát thanh truyền hình Hoà Bình, các hội nghị, hội thảo để phổ biến các nội dung của Kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi,

tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các bậc cha mẹ và toàn xã hội tham gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

2. Tăng cường huy động trẻ em năm tuổi đến lớp:

a) Khảo sát đánh giá thực trạng về trẻ em năm tuổi, trường, lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị và giáo viên dạy lớp năm tuổi. Hàng năm, huy động hầu hết trẻ em năm tuổi đến lớp mầm non để thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày. Duy trì và giữ vững số trẻ dưới năm tuổi đến các cơ sở giáo dục mầm non dưới nhiều hình thức, đến năm 2015 có 98% trẻ em 3, 4 tuổi đến lớp mẫu giáo và 45% số trẻ đến nhà trẻ. Hàng năm, đưa chỉ tiêu phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi vào chương trình; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, để chỉ đạo thực hiện.

b) Hỗ trợ trẻ năm tuổi ở các cơ sở Giáo dục mầm non có cha mẹ thường trú ở các xã đặc biệt khó khăn, trẻ em mồ côi, trẻ em khuyết tật có khó khăn về kinh tế, trẻ em thuộc gia đình hộ nghèo theo quy định của nhà nước để duy trì bữa ăn trưa tại trường; trẻ em có hoàn cảnh khó khăn học trong các trường tư thục được nhà nước hỗ trợ một phần học phí, nhằm tăng tỉ lệ huy động trẻ đến trường.

c) Ưu tiên nhận trẻ năm tuổi vào học ở các trường mầm non công lập từ năm 2010. Duy trì, giữ vững và phát triển số trẻ em dưới năm tuổi đến lớp không thấp hơn mức hiện có dưới nhiều hình thức. Phát triển Giáo dục mầm non ngoài công lập ở những nơi có điều kiện.

3. Thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục mầm non:

a) Triển khai thực hiện đại trà Chương trình giáo dục mầm non mới cho 100% lớp mầm non năm tuổi, tuyệt đối không dạy trước chương trình lớp 1. Triển khai, hướng dẫn sử dụng bộ Chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi.

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục mầm non, phấn đấu đến năm 2013 có 100% số trường mầm non ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục trẻ; 30% giáo viên sử dụng máy tính tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Phấn đấu đến năm 2015 có 30% trường mầm non được tiếp cận với ngoại ngữ.

4. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý Giáo dục mầm non:

a) Tăng cường năng lực của các Trường sư phạm, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non đủ về số lượng, đào tạo nâng chuẩn và đào tạo mới, bảo đảm năm học 2010-2011 có đủ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo dạy các lớp mầm non năm tuổi trong các trường công lập theo định mức quy định;

- Đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, cập nhật kiến thức và kỹ năng cho giáo viên để thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non mới. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng của giáo viên người dân tộc thiểu số.

b) Xây dựng chính sách hợp lý và bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý.

- Nhà nước chi ngân sách thực hiện trả lương cho giáo viên và cán bộ quản lý diện hợp đồng ở các cơ sở GDMN công lập theo thang bảng lương và nâng lương theo định kỳ. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên theo quy định hiện hành;

- Các cơ sở GDMN ngoài công lập (tư thục) bảo đảm chế độ lương cho giáo viên không thấp hơn các cơ sở mầm non công lập và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho giáo viên theo quy định hiện hành.

5. Xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư thiết bị, bảo đảm ngân sách cho các lớp mầm non năm tuổi:

a) Xây dựng đủ phòng học cho các lớp mầm non năm tuổi.

- Xây dựng đủ phòng học cho các lớp mầm non năm tuổi trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm tất cả các xã khó khăn và các vùng dân tộc thiểu số đều có trường với quy mô ít nhất 3 lớp ở trung tâm và các điểm lớp lẻ có phòng học được xây kiên cố theo hướng chuẩn hoá; bảo đảm đủ phòng học kiên cố vào năm 2013 cho tất cả các lớp mầm non năm tuổi;

- Mỗi huyện, thành phố xây dựng 01 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo mức độ I tại xã khó khăn làm mô hình và là nơi tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo dục mầm non các xã khó khăn.

b) Bảo đảm đủ thiết bị và đồ chơi để thực hiện chương trình Giáo dục mầm non mới, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

- 100% trường mầm non được trang bị máy vi tính và được kết nối mạng Internet vào năm 2011;

- Đến năm 2012 trang bị bộ thiết bị tối thiểu và bộ thiết bị nội thất dùng chung cho 100% lớp mầm non năm tuổi để thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non mới, cung cấp đủ số thiết bị cho các nhóm, lớp; trẻ em dưới năm tuổi có đủ điều kiện thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non mới;

- Đến năm 2013 trang bị đủ bộ thiết bị phần mềm trò chơi làm quen với máy vi tính cho các trường, lớp có điều kiện.

c) Trang bị đủ đồ chơi ngoài trời, đến năm 2013 có 100% trường có bộ đồ chơi ngoài trời.

d) Bảo đảm ngân sách chi thường xuyên cho hoạt động chăm sóc, giáo dục mầm non năm tuổi mới giai đoạn 2011-2015; bảo đảm từng bước nâng định mức chi thường xuyên cho trẻ em mầm non năm tuổi đến năm 2015 đạt 7,3 triệu đồng/trẻ/năm từ ngân sách nhà nước; bảo đảm tối thiểu 20% ngân sách giáo dục mầm non được chi cho hoạt động chuyên môn;

- Bảo đảm 100% kinh phí từ ngân sách để chi thường xuyên cho các trường mầm non công lập;

- Đối với vùng kinh tế phát triển: Nhà nước hỗ trợ ngân sách chi thường xuyên cho trường công lập đảm bảo 85-90%, phần còn lại được huy động từ đóng góp của phụ huynh trẻ mầm non;

- Nhà nước chi trả lương cho giáo viên các trường công lập theo thang bảng lương và nâng lương theo định kỳ.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi:

a) Lồng ghép các chương trình dự án trên cùng một địa bàn và huy động nguồn lực hợp lý của nhân dân để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi; cha mẹ trẻ có trách nhiệm phối hợp với nhà trường để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

b) Khuyến khích, tạo điều kiện để các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp đầu tư phát triển trường, lớp mầm non ngoài công lập theo tinh thần Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

c) Tại các vùng khó khăn không thu học phí: Có giải pháp thích hợp huy động sự đóng góp công sức lao động của nhân dân cùng với ngân sách nhà nước để xây dựng trường và tổ chức bữa ăn bán trú cho tất cả trẻ năm tuổi nhằm tạo điều kiện thuận lợi để dạy tiếng Việt cho trẻ.

d) Thống nhất loại hình giáo dục mầm non của tỉnh có 2 loại hình: Trường mầm non công lập và Trường mầm non tư thục để phù hợp với điều kiện của tỉnh, đảm bảo đủ trường, lớp để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi theo quy định của nhà nước.

đ)Tranh thủ sự giúp đỡ của các nhà tài trợ, tổ chức quốc tế để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện là: **454.843.200.000** đồng, gồm 4 dự án:

1. Dự án Xây dựng phòng học, phòng chức năng theo quy định của Điều lệ trường mầm non (UBDN các huyện, thành phố thực hiện):

a) Nhu cầu phòng học, phòng chức năng cần xây dựng mới (Phụ lục 1).

- Phòng học: 347 phòng;

- Phòng chức năng: 1.241 phòng;

- Công trình phụ trợ: 343 công trình.

b) Nhu cầu kinh phí: 285.216.000.000 đồng. Gồm:

- Phòng học: 104.100.000.000 đồng;

- Phòng chức năng: 118.396.000.000 đồng;

- Công trình phụ trợ: 62.720.000.000 đồng.

2. Dự án 2: Mua sắm thiết bị đồ chơi (Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện)

a) Nhu cầu cần mua sắm: Đố chơi ngoài trời 195 bộ; thiết bị tối thiểu 546 bộ, phần mềm dạy học 225 bộ.

b) Nhu cầu kinh phí: 86.700.000.000 đồng (Phụ lục 2).

3. Dự án 3: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, hỗ trợ trẻ em nghèo (Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện)

a) Nhu cầu đào tạo 50% (656 người) cán bộ quản lý và giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn (Phụ lục 3).

Hỗ trợ trẻ em nghèo (đã có Đề án riêng).

b) Nhu cầu kinh phí: 16.531.200.000 đồng.

4. Dự án 4: Xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia cho xã khó khăn (UBND các huyện, thành phố thực hiện)

a) Xây dựng 11 trường mầm non vùng khó khăn đạt chuẩn Quốc gia.

b) Nhu cầu kinh phí 66.396.000.000 đồng, trong đó kinh phí đầu tư cho một trường chuẩn quốc gia là 6.036.000.000 đồng.

5. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Ngân sách nhà nước: Chi thường xuyên, chi đầu tư, Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA.

- Nguồn kinh phí khác: Học phí công lập; tài trợ, đóng góp của cộng đồng...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện:

a) Giai đoạn 2010 – 2012:

- Thành lập ban chỉ đạo ở các cấp; khảo sát, đánh giá thực trạng về trẻ em năm tuổi, trường, lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị và giáo viên dạy lớp năm tuổi; phổ biến Đề án nhằm huy động 100% trẻ em năm tuổi đến lớp và được chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ ngày (Bán trú hoặc không bán trú).

- Xây dựng và triển khai thực hiện định mức ngân sách giai đoạn 2011-2015; áp dụng mức thu và sử dụng học phí giai đoạn 2010-2015; bảo đảm 100% kinh phí từ ngân sách chi thường xuyên cho trường mầm non công lập; hỗ trợ đối với trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ thuộc diện chính sách theo quy định;

- Xây dựng mới phòng học cho lớp có trẻ em năm tuổi tại các xã khó khăn, xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số và vùng nông thôn; tất cả các trường, lớp công lập đều đảm bảo tỷ lệ 1 lớp/1 phòng học; Chuyển các trường, lớp bán công sang loại hình công lập theo quy định; thành lập thêm các trường tư thục ở vùng thuận lợi; thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non mới cho 100% lớp mầm non năm tuổi;

- Trang bị cho 100% lớp mầm non năm tuổi đủ bộ thiết bị tối thiểu và bộ thiết bị nội thất dùng chung; 100% trường mầm non có máy vi tính và kết nối mạng Internet; 20% trường, lớp có điều kiện đủ bộ đồ chơi và phần mềm trò chơi cho trẻ làm quen với ứng dụng tin học; 60% trường có đủ bộ đồ chơi ngoài trời;

- Xây dựng kế hoạch biên chế và đảm bảo năm học 2010-2011 có đủ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo dạy các lớp mầm non năm tuổi trong các trường mầm non công lập theo định mức quy định; đào tạo nâng chuẩn và đào tạo mới, đến năm 2012 có 20% giáo viên dạy lớp năm tuổi trình độ trên chuẩn, có trình độ tin học cơ bản và đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá;

- Đến năm 2012 có 60% huyện, thành phố được công nhận đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi;

- Thực hiện chế độ tiền lương, các khoản phụ cấp theo thang bảng lương và nâng lương định kỳ đối với giáo viên mầm non diện hợp đồng.

b) Giai đoạn 2013 - 2015:

- Tiếp tục huy động trên 99,5% số trẻ em mầm non năm tuổi thực hiện phổ cập; nâng định mức chi thường xuyên cho trẻ em mầm non năm tuổi đến năm 2015 đạt 7,3 triệu đồng/trẻ/năm từ ngân sách nhà nước; bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi; đối với khu vực thuận lợi bảo đảm từ 85% đến 90% kinh phí từ ngân sách chi thường xuyên; xây dựng đủ phòng học kiên cố cho 100% lớp mầm non năm tuổi;

- 50% giáo viên mầm non dạy lớp năm tuổi đạt trình độ đào tạo trên chuẩn và trình độ A tin học; 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá; trang bị tiếp cho 30% trường, lớp có điều kiện bộ đồ chơi và phần mềm trò chơi để cho trẻ làm quen với ứng dụng tin học; 40% trường còn lại đủ bộ đồ chơi ngoài trời;

- Đến năm 2013 có ít nhất 90% xã, phường, thị trấn; 100% huyện, thành phố được công nhận đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi. Tỉnh được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi vào năm 2013.

2. Điều kiện phổ cập:

a) Có đủ phòng học theo hướng kiên cố, đạt chuẩn.

b) Trường, lớp có bộ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới; ở vùng thuận lợi có thêm các bộ đồ chơi, phầm mềm trò chơi ứng dụng công nghệ thông tin, làm quen với vi tính để học tập.

c) Có đủ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo; giáo viên được hưởng thu nhập và các chế độ khác theo thang bảng lương giáo viên mầm non.

d) Trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành, được chăm sóc giáo dục theo Chương trình

giáo dục mầm non mới, trẻ em dân tộc thiểu số được chuẩn bị tiếng Việt trước khi vào lớp 1.

3. Tiêu chuẩn phổ cập:

a) Đối với xã, phường, thị trấn:

- Bảo đảm các điều kiện về giáo viên, cơ sở vật chất, tài liệu, thiết bị, đồ chơi trong các trường, lớp mầm non năm tuổi;

- Huy động 95% trở lên số trẻ em năm tuổi ra lớp, trong đó có ít nhất 85% số trẻ em trong độ tuổi được học 2 buổi/ngày trong một năm học (9 tháng) theo Chương trình giáo dục mầm non mới do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; ở vùng đặc biệt khó khăn và vùng dân tộc thiểu số, trẻ em được chuẩn bị tiếng Việt để vào học lớp 1;

- Tỷ lệ chuyên cần của trẻ: đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 10%.

b) Đối với cấp huyện, thành phố: Bảo đảm 90% số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

c) Đối với cấp tỉnh: Bảo đảm 100% số huyện, thành phố đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

4. Nhiệm vụ của các Sở, ngành:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo: Là cơ quan thường trực tổ chức thực hiện Kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thành phố, xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới, hệ thống trường mầm non trên địa bàn tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Phối hợp với Sở Tài chính và các ngành liên quan xây dựng định mức ngân sách giai đoạn 2011-2015, quy định mức thu và sử dụng học phí giai đoạn 2010-2015, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Triển khai, hướng dẫn thực hiện bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi; kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể và quy trình công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi;

- Phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố làm tốt công tác tuyên truyền về Kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi; tổ chức, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, ngành liên quan tăng cường công tác truyền thông, vận động xã hội để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi và phát triển giáo dục mầm non, bảo vệ quyền trẻ em được học đầy đủ Chương trình giáo dục mầm non trước khi vào học lớp một. Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các

chính sách xã hội khác đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ mầm non.

c) Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng lồng ghép trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng trong các trường, lớp mầm non năm tuổi theo các mục tiêu phổ cập; phổ biến kiến thức, kỹ năng và cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục tại gia đình.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, thẩm định các dự án thuộc Kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch vốn đầu tư hàng năm để phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; huy động các nguồn tài trợ và đóng góp của nhân dân cho sự nghiệp phát triển Giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh.

đ) Sở Tài chính:

- Bố trí ngân sách chi thường xuyên, chi Chương trình mục tiêu Quốc gia cho giáo dục mầm non để bảo đảm các mục tiêu, tiến độ thực hiện Kế hoạch, kiểm tra, thanh tra tài chính theo quy định của Luật ngân sách;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất và triển khai cơ chế tài chính mới cho giáo dục và đào tạo giai đoạn 2010–2015. Hướng dẫn sử dụng kinh phí, quản lý tài chính cho các loại hình trường mầm non trên địa bàn tỉnh, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh.

e) Sở Nội vụ:

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch biên chế giáo viên, nhân viên và chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non thuộc các loại hình nhà trường, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh.

g) Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới, hệ thống trường mầm non trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên giới thiệu địa điểm đất phục vụ xây dựng mở rộng trường mầm non;

- Trên cơ sở quy hoạch mạng lưới trường học được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hướng dẫn, cung cấp thông tin quy hoạch, thoả thuận địa điểm đất phục vụ xây dựng trường học theo các quy định hiện hành.

h) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Là cấp chịu trách nhiệm toàn bộ về Kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi theo phân cấp quản lý. Xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch để chỉ đạo, triển khai

thực hiện trên địa bàn. Chỉ đạo thực hiện quy hoạch, phát triển mạng lưới trường lớp mầm non, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, huy động trẻ đến trường. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên, nhân viên gửi Sở Nội vụ thẩm định và chủ động thực hiện việc tuyển dụng giáo viên, nhân viên theo kế hoạch biên chế được giao, đảm bảo đáp ứng nhu cầu giáo viên mầm non hàng năm.

- Chỉ đạo việc dành quỹ đất, xây dựng đủ phòng học, bảo đảm thuận tiện cho việc thu hút trẻ em đi học trên địa bàn, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, đồ chơi đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục mầm non mới; bảo đảm bố trí đủ ngân sách chi cho phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi và giáo dục mầm non nói chung theo quy định;

- Chỉ đạo việc thực hiện các chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên mầm non trên địa bàn theo quy định;

- Huy động các nguồn lực, thực hiện tăng cường đồng bộ cơ sở vật chất, giáo viên để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi có chất lượng. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trên địa bàn.

i) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Khuyến học tỉnh, các tổ chức, đoàn thể các cấp tham gia tích cực phát triển giáo dục mầm non, vận động trẻ em đến lớp, thực hiện Kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện tốt Kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ GD&ĐT;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT, KH&ĐT, Tài chính, Nội vụ, LĐTB&XH, Y tế, Xây dựng, TN&MT;
- Bảo hiểm XH tỉnh;
- Báo Hòa Bình;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó VPUBND tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh
- Lưu VT, VX (L42[b]).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Văn Cửu